

TỰ Ý THỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN

Phạm Thành Nghị

Viện Nghiên cứu Con người.

1. Đặt vấn đề

Chọn nghề và bắt đầu con đường nghề nghiệp của mình, người thanh niên vừa bị chi phối bởi qui luật phân công lao động xã hội, vừa dần trở thành chủ thể của hoạt động lao động xã hội và thuộc vào một nhóm nghề nhất định. Biến đổi sâu sắc đó tạo ra sự thay đổi tương ứng trong nội dung ý thức và dẫn đến sự cải biến yếu tố trung tâm của ý thức như một yếu tố trội - đó là tự ý thức nghề nghiệp. Mặc dù quá trình nghề nghiệp hoá là một phần trong sự phát triển chung của nhân cách, các nhà tâm lý học vẫn cần nghiên cứu sự tự xác định nghề nghiệp trong mối quan hệ với lứa tuổi, đặc điểm cá nhân, cơ chế tâm lý và tách ra khỏi sự tự ý thức nói chung phần tự ý thức nghề nghiệp.

Chức năng cơ bản nhất của tự ý thức là điều khiển và kiểm tra bên trong hành vi và hoạt động của con người, duy trì tính tích cực của cá nhân trong suốt quá trình hoạt động, thích ứng với yêu cầu của nhiệm vụ xã hội v.v... Vấn đề tự ý thức nghề nghiệp còn ít được quan tâm nghiên cứu và tạo dựng cơ sở khoa học cho việc đào tạo các cán bộ chuyên môn tương lai để họ có khả năng thích ứng nhanh với điều kiện sản xuất và nhảy bển trong điều chỉnh hoạt động ở mọi tình huống. Bài viết này trình bày khái niệm, cấu trúc tự ý thức nghề nghiệp và hiện trạng tự ý thức nghề nghiệp của sinh viên ba trường đại học được điều tra.

2. Khái niệm và cấu trúc tự ý thức nghề nghiệp

Trong tâm lý học, tự ý thức được hiểu rất khác nhau, nhưng theo một quan điểm chung nhất thì tự ý thức là sự ý thức và đánh giá của con người về hành động của mình và kết quả của hành động đó, về thái độ, tình cảm, phong cách đạo đức, hứng thú và động cơ của hành vi, là sự đánh giá tổng thể bản thân và vị trí của mình trong cuộc sống" (Xpirkip, 1972).

Chesnokova (1977) xem xét tự ý thức như một quá trình phức tạp, nhiều bậc, trên cơ sở các quá trình tâm lý (quá trình nhận thức, xúc cảm và ý chí). Do vậy, cấu trúc tự ý thức có các thành tố: tự nhận thức, thái độ xúc cảm, giá trị và tự điều chỉnh. Xtolin (1985) đưa ra một cấu trúc tự ý thức nhiều bậc có thể xem xét theo chiều dọc và chiều ngang. Theo chiều dọc, một cấu trúc nhiều bậc được xác

định ở ba cấp độ tích cực của con người như một cơ thể, một cá thể, một nhân cách. Theo chiều ngang, tự ý thức được phân biệt bởi tri thức về bản thân và thái độ đối với bản thân.

Cấu trúc thời gian của tự ý thức được trình bày trong các công trình của Petrulite (1985), Mirônova (1985), Codiév (1980) dưới dạng biểu hiện “cái tôi quá khứ”, “cái tôi hiện tại”, “cái tôi lý tưởng”. Các tác giả này đồng nhất các quá trình tâm lý với các yếu tố tự ý thức. Tuy nhiên, tự nhận thức khác với tự ý thức ở chỗ tự nhận thức là một quá trình hướng vào bản thân, nhận thức những thông tin về chính mình, nghĩa là tự nhận thức cần phải xem như là cơ chế hình thành tự ý thức chứ không phải là một thành tố của tự ý thức. Tự điều chỉnh hành vi cũng không thể coi là một thành tố của tự ý thức vì nó thực hiện chức năng điều chỉnh của tự ý thức trong hành vi và hoạt động.

Trên cơ sở coi tự ý thức là phương tiện tự điều chỉnh của chủ thể, có thể xem xét tự ý thức trong một cấu trúc 6 thành tố sau đây:

- Ý thức về đạo đức của bản thân;
- Ý thức về hành vi của bản thân;
- Ý thức về bản thân như là chủ thể hoạt động;
- Đánh giá bản thân trong mối quan hệ với môi trường sống;
- Ý thức về những mối quan hệ của bản thân trong môi trường xã hội;
- Ý thức về sự phát triển bản thân theo thời gian.

Khác với tự ý thức nói chung, tự ý thức nghề nghiệp có những đặc trưng riêng. Nếu như trong tự ý thức, con người nhận thức mình như một nhân cách đóng vai trò khác nhau trong các tình huống khác nhau của cuộc sống nói chung, thì nội dung tự ý thức nghề nghiệp có liên quan trước hết đến hoạt động nghề nghiệp.

Savir (1981) định nghĩa tự ý thức nghề nghiệp như một hoạt động lựa chọn của tự ý thức, tuân thủ nhiệm vụ tự xác định nghề nghiệp. Dưới dạng khái quát nhất, tự ý thức nghề nghiệp được biểu hiện ở sự tự ý thức bản thân như một chủ thể hoạt động độc lập. Hai nhà tâm lý học Bungari Ivanova và Coxev (1978) coi tự ý thức nghề nghiệp như sự nhận thức và đánh giá những phẩm chất nghề nghiệp và thái độ của mình đối với nghề nghiệp.

Có thể nhận xét rằng điểm chung nhất trong những quan niệm trên là tự ý thức nghề nghiệp có liên quan trực tiếp tới ý thức về bản thân của con người trong hoạt động nghề nghiệp, tức là nội dung của tự ý thức nghề nghiệp có quan hệ với hoạt động nghề nghiệp và bản thân con người như là chủ thể của hoạt động đó. Nếu như tự ý thức hình thành trong hoạt động sống và giao tiếp với những người xung quanh và là kết quả của nhận thức bản thân, hành động, tình cảm, suy nghĩ của mình, thì tự ý thức nghề nghiệp là sự phản chiếu tất cả những thành tố cấu trúc của tự ý thức lên hoạt động nghề nghiệp.

Xuất phát từ những phân tích trên về tự ý thức và trên cơ sở chức năng của tự ý thức nghề nghiệp như một phương tiện tự điều chỉnh hoạt động nghề nghiệp, cấu trúc tự ý thức nghề nghiệp có thể bao gồm những thành tố tương tự như tự ý thức.

(1) *Ý thức về đạo đức nghề nghiệp của bản thân*: Yếu tố đạo đức không chỉ có mặt trong một lĩnh vực riêng lẻ của tồn tại xã hội, nó nằm trong bất kì hoạt động nào của con người, nó thúc đẩy hoặc kìm hãm việc thực hiện chức năng và vai trò xã hội trong một tập thể nhất định. Thái độ nhân đạo đối với người lao động, sự quan tâm tới việc nâng cao năng suất lao động nghề nghiệp v.v... là những biểu hiện cụ thể của đạo đức nghề nghiệp.

(2) *Ý thức về hành vi nghề nghiệp của bản thân*: Bản chất ý thức hành vi nghề nghiệp là ở chỗ nhận thức những chuẩn mực đã được xã hội quy định, phản ánh chúng vào hành vi hoạt động của mình. Ví dụ: thế nào là nên, không nên. Ý thức hành vi nghề nghiệp biểu hiện ở sự lựa chọn những phương pháp, phương tiện thích hợp để thực hiện hoạt động cho phù hợp với chuẩn mực xã hội.

(3) *Ý thức về bản thân như là chủ thể hoạt động nghề nghiệp* có ý nghĩa là ý thức về trách nhiệm và vai trò của người lao động trong xác định nhiệm vụ, hình thành mục đích, lựa chọn phương tiện thực hiện hoạt động, tạo ra sản phẩm và tự đánh giá những sản phẩm đó.

(4) *Đánh giá những phẩm chất nghề nghiệp quan trọng của bản thân*: Tự ý thức nghề nghiệp chứa đựng những biểu hiện về phẩm chất và thuộc tính cần thiết để thực hiện hoạt động có kết quả, đó chính là những phẩm chất nghề nghiệp quan trọng. Đối với những nghề khác nhau những phẩm chất này rất khác nhau. Mức độ nhận thức khác nhau sẽ gây ảnh hưởng rõ nét đến việc lựa chọn nhiệm vụ, đến quá trình thực hiện hoạt động, đến niềm tin vào bản thân.

(5) *Ý thức và đánh giá các mối quan hệ của bản thân trong môi trường nghề nghiệp*: Khi bước vào hoạt động ở một nhóm nghề nghiệp nhất định, con người sẽ có điều kiện phát triển những mối quan hệ và hình thành sự tự đánh giá các quan hệ đó. Nhờ vậy, ở họ sẽ hình thành thái độ đối với bản thân như một nhà chuyên môn. Nội dung của thành tố này bao gồm những mối quan hệ sau đây: quan hệ với đồng nghiệp, với chính bản thân như một cán bộ chuyên môn, quan hệ của người khác đối với bản thân và quan hệ đối với hoạt động nghề nghiệp của mình.

(6) *Ý thức về sự phát triển của bản thân trong mỗi quan hệ thời gian*: Ở mỗi giai đoạn của cuộc sống nói chung và hoạt động nghề nghiệp nói riêng, thông qua tự ý thức nghề nghiệp tồn tại mối liên hệ giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Tự ý thức nghề nghiệp phản ánh sự phát triển của cá nhân như một người cán bộ chuyên môn theo những dấu hiệu tiến bộ của tay nghề, sự trưởng thành trong nghề nghiệp, sự tăng cường uy tín, củng cố địa vị xã hội.

Để trở thành một nhà chuyên môn phát triển tốt như một chủ thể hoạt động nghề nghiệp, con người cần phải đạt tới sự phát triển tự ý thức nghề nghiệp nhất định vì đó là phương tiện tự điều chỉnh hoạt động nghề nghiệp. Để rút ngắn thời gian thích ứng với sản xuất và nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp của người chuyên gia trẻ, cần hình thành tự ý thức nghề nghiệp của học sinh, sinh viên trong chính quá trình đào tạo. Người cán bộ chuyên môn tương lai sau khi tốt nghiệp đại học, tham gia vào quá trình sản xuất với tư cách là người tổ chức sản xuất thì chất lượng và năng suất lao động của công nhân phụ thuộc rất nhiều vào họ.

Từ sự phân tích trên, chúng ta nhận thấy cần thiết phải nghiên cứu tự ý thức nghề nghiệp như một nhân tố quan trọng nhất của sự sẵn sàng nghề nghiệp và cần đề xuất những điều kiện tâm lý - sư phạm để hình thành và phát triển tự ý thức nghề nghiệp cho sinh viên khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường đại học.

3. Tự ý thức nghề nghiệp của sinh viên một số trường đại học

Bảng phiếu hỏi được thiết kế trên cơ sở nội dung các thành tố của tự ý thức nghề nghiệp. 320 sinh viên năm thứ ba, thứ tư và thứ năm của 3 trường đại học kỹ thuật trên địa bàn Hà Nội (Bách khoa, Xây dựng, Thủy lợi) tham gia cuộc điều tra này, trong đó có 159 sinh viên đang tham gia nghiên cứu khoa học hay các hoạt động khác có liên quan đến nghề nghiệp tương lai (nhóm A) và 161 sinh viên không tham gia các hoạt động này (nhóm B). Kết quả thu được cho thấy có sự khác biệt rõ nét giữa hai nhóm về mức độ phát triển tự ý thức nghề nghiệp trên tất cả các thành tố.

(1) Về nội dung của thành tố đạo đức của tự ý thức nghề nghiệp: Khi trả lời câu hỏi “Điều chính yếu trong cuộc sống của bạn là lao động nghề nghiệp”, 64% sinh viên nhóm A và chỉ 38% sinh viên nhóm B trả lời khẳng định. Về sự cần thiết của an toàn lao động trong hoạt động nghề nghiệp tương lai của mình, 87% sinh viên nhóm A và 78% sinh viên nhóm B có ý thức rõ ràng. Trong khi đó, có tới 62% sinh viên nhóm A và chỉ với 41% sinh viên nhóm B cho rằng khuyến khích hoạt động nghề nghiệp cần sự tin tưởng của người quản lý và các nhà chuyên môn cũng như triển vọng phát triển nghề nghiệp chứ không chỉ là những khuyến khích vật chất. Nhìn chung, sinh viên những năm cuối đó có nhận thức khá tốt về giá trị của lao động, sự cần thiết bảo đảm an toàn lao động và sự cuốn hút của chính hoạt động nghề nghiệp đối với họ. Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm sinh viên về mức độ phát triển của thành tố này.

(2) Ở thành tố hành vi đạo đức nghề nghiệp, sinh viên nhóm A có sự tự ý thức tốt hơn nhiều so với sinh viên nhóm B. Có tới 48% sinh viên nhóm A và chỉ 15% sinh viên nhóm B cho rằng sẽ tiến hành các biện pháp bảo vệ môi trường trong dự án sản xuất tương lai của mình. Trả lời yêu cầu có tham gia khắc phục những hỏng hóc của máy móc trong phân xưởng hay không, 71% sinh viên nhóm A và 56% sinh viên nhóm B cho biết họ sẽ tham gia khi có yêu cầu của người quản lý. Có tới 60% sinh viên nhóm A và 47% sinh viên nhóm B nói rằng họ đồng ý ở lại để kiểm tra hệ thống an toàn lao động sau giờ làm việc. Như vậy, những sinh

viên đã có kinh nghiệm làm việc với thực tiễn và tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghề nghiệp tương lai có sự phát triển cao hơn ở thành tố hành vi đạo đức so với các sinh viên khác.

(3) Ở thành tố “ý thức bản thân như là chủ thể hoạt động nghề nghiệp”, sinh viên nhóm A có mức độ phát triển tự ý thức tốt hơn so với sinh viên nhóm B. Có tới 76% sinh viên nhóm A và chỉ với 36% sinh viên nhóm B ý thức được giá trị của hoạt động nghề nghiệp tương lai của mình. Nhiệm vụ sáng tạo của kỹ sư được nhận thức tốt hơn ở nhóm A (52%) so với nhóm B (28%), trong khi đó sinh viên nhóm B lại đánh giá cao hơn nhiệm vụ hiện tại của người kỹ sư (33%) so với nhóm A (17%). Sinh viên nhóm A nhận thức tốt hơn rất nhiều (57%) so với sinh viên nhóm B (10%) về phương tiện của hoạt động nghề nghiệp. Hiểu biết về mối quan hệ với các chuyên gia các ngành khác, 83% sinh viên nhóm A có thể kể ra tên các loại chuyên gia theo chuyên ngành mà họ cần hợp tác, trong khi đó chỉ có 36% sinh viên nhóm B có thể làm được việc này. Trả lời câu hỏi họ có cần sự kiểm soát từ bên ngoài hay không khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, 40% sinh viên nhóm A và 60% sinh viên nhóm B trả lời khẳng định. Như vậy, sinh viên nhóm A tự tin hơn về khả năng hoạt động độc lập của mình. Trả lời câu hỏi: “Bạn có xúc động không sau khi hoàn thành hoạt động thực hành nghề nghiệp ở trường, có tới 88% sinh viên nhóm A và 62% sinh viên nhóm B khẳng định là có. Đề nghị đánh giá khả năng của mình với chuyên môn đang theo học, 67% sinh viên nhóm A và chỉ 36% sinh viên nhóm B cho rằng mình có năng lực phù hợp. Nhận thức về bản thân như là chủ thể của hoạt động chuyên môn trong tương lai của sinh viên nhóm A khá cao có thể liên quan đến sự trải nghiệm của họ như là chủ thể hoạt động thực sự khi tiến hành nghiên cứu khoa học hay tham gia các hoạt động có liên quan đến nghề nghiệp tương lai.

(4) Ở thành tố nhận thức những phẩm chất nghề nghiệp quan trọng của bản thân, nhìn chung sinh viên nhóm A đánh giá cao hơn sinh viên nhóm B trên tất cả các phẩm chất. Những phẩm chất được sinh viên nhóm A đánh giá đặc biệt cao so với sinh viên nhóm B là khả năng tổ chức công việc (67% ở nhóm A và 23% ở nhóm B), khả năng quan sát (60% ở nhóm A và 26% ở nhóm B), tập trung chú ý (48% ở nhóm A và 21% ở nhóm B), tính linh hoạt (55% ở nhóm A và 18% ở nhóm B), trí thông minh (45% ở nhóm A và 13% ở nhóm B).

(5) Ở thành tố ý thức và đánh giá mối quan hệ của bản thân trong môi trường nghề nghiệp, sinh viên nhóm A đánh giá cao hứng thú nghề nghiệp (86% ở nhóm A và 69% ở nhóm B). Nội dung nghề nghiệp được coi là hấp dẫn ở 50% sinh viên nhóm A và chỉ 28% sinh viên nhóm B. Trả lời câu hỏi: “Liệu bạn đã trưởng thành như một nhà chuyên môn chưa”, 67% sinh viên nhóm A và 54% sinh viên nhóm B khẳng định là có. Dưới con mắt bạn bè, 71% sinh viên nhóm A và 51% sinh viên nhóm B cho rằng mình được tin tưởng. Khi được yêu cầu xếp thứ tự về tầm quan trọng của ý kiến chuyên gia, cha mẹ và bạn học, sinh viên nhóm A đánh giá cao ý kiến chuyên gia, trong khi đó sinh viên nhóm B đề cao ý kiến của cha mẹ. Tự nhận thức về quan hệ của bản thân với nghề nghiệp và với người khác

Trong môi trường nghề nghiệp là khá tốt ở cả hai nhóm, nhưng mức độ phát triển ở nhóm A vẫn cao hơn.

(6) Ở thành tố nhận thức sự phát triển của bản thân theo thời gian, sinh viên nhóm A tự tin hơn về sự tiến bộ vượt bậc của mình trong phát triển các năng lực nghề nghiệp (60% ở nhóm A và 15% ở nhóm B), trong đạt mục tiêu học tập trong trường đại học nói chung (83% ở nhóm A và 44% ở nhóm B), hình ảnh sau 5 năm (74% ở nhóm A và 41% ở nhóm B). Sinh viên nhóm A cũng nhận thức tốt hơn sinh viên nhóm B về khả năng làm việc độc lập của họ được nâng lên nhiều sau những năm học tập ở trường đại học (93% so với 69%).

4. Kết luận

Sáu thành tố tự nhận thức và tự nhận thức nghề nghiệp đã được xác định trên cơ sở quan điểm rằng tự ý thức là công cụ tự điều chỉnh của chủ thể hoạt động. Các số liệu điều tra trên sinh viên cũng chỉ ra sự phát triển cao hơn của tự ý thức nghề nghiệp ở những sinh viên tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. Điều này chỉ ra rằng cần thiết phải đưa sinh viên vào hoạt động thực tập, nghiên cứu khoa học hay thực hành có liên quan đến nghề nghiệp để phát triển tự ý thức nghề nghiệp. Ngoài việc ý thức về bản thân như là chủ thể hoạt động nghề nghiệp hay sự phát triển của bản thân trong môi trường nghề nghiệp, các thành tố đạo đức và hành vi có ý nghĩa quan trọng trong môi trường cạnh tranh và nguy cơ huỷ hoại môi trường do sự khai thác quá mức nguồn tài nguyên và nguồn chất thải quá lớn chưa được xử lý trong quá trình sản xuất. Phát triển tự ý thức nghề nghiệp, do vậy, là một trong những mục tiêu quan trọng trong hình thành nhân cách người chuyên gia trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Codiev V.N. (1980), *Phân tích tâm lý sự tự ý thức nghề nghiệp của người thầy giáo*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Leningrat.
2. Chesnocova I.I. (1977), *Vấn đề tự ý thức trong tâm lý học*, Matxcova.
3. Ivanova D., Côxev I. (1978), *Nhân cách và nghề nghiệp*, Sophia.
4. Mironova T.L. (1985), *Sự phát triển tự ý thức của học sinh trường nghề trong quá trình đào tạo nghề nghiệp*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Leningrat.
5. Petrulete A.R. (1985), *Yếu tố nhận thức và xúc cảm trong cấu trúc hình ảnh "cái tôi ở sinh viên"*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Leningrat.
6. Sevir P.A. (1981), *Tâm lý học tự xác định nghề nghiệp ở mỗi thanh niên*, Matxcova.
7. Xpirkip A.C. (1972), *Ý thức và tự ý thức*, Matxcova.
8. Xtôlin V.V. (1985), *Nhận thức bản thân và thái độ đối với bản thân trong các cấu trúc tự ý thức của nhân cách*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Matxcova.